

Đặc điểm của tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (2) - PLAGCHECKED.docx

The characteristics of reformist thought in Vietnam from the late 19th to early 20th century

ABSTRACT

The reformist movement was one of the most significant issues in history due to its direct impact on all aspects of society. Throughout history, reforms and innovations have brought progress and certain values, particularly in the economic and cultural spheres. The reformist thought of the late 19th and early 20th centuries was both a continuation and a transition within Vietnamese intellectual history. It laid the foundation for changes in Vietnamese ideology at the time, shifting from an absolutist monarchy to a more progressive ideological system. This paper aims to analyze the characteristics of reformist thought in Vietnam during this period, examining both domestic and foreign influences on the reformist movement and the impact of these characteristics on Vietnamese society.

Keywords: Characteristics, reformist thought, Vietnam, from the late 19th to early 20th century.

Đặc điểm của tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX

TÓM TẮT

Xu hướng canh tân là một trong những vấn đề quan trọng trong lịch sử bởi những tác động trực tiếp của nó tới mọi mặt đời sống xã hội. Những cải cách, đổi mới xưa tới nay đều đem lại những tiến bộ và giá trị nhất định, đặc biệt các lĩnh vực kinh tế - văn hóa. Trong đó, tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vừa là sự tiếp nối vừa là sự chuyển giao của dòng tư tưởng Việt Nam. Nó đặt cơ sở cho những biến đổi của tư tưởng người Việt lúc bấy giờ, từ hệ tư tưởng quân chủ chuyên chế sang một hệ tư tưởng tiến bộ hơn. Vì vậy, nghiên cứu những đặc điểm của tư tưởng canh tân có ý nghĩa hơn bao giờ hết nhằm làm rõ những biến đổi trên. Từ đó, thấy được những tác động trong và ngoài nước đến tư tưởng canh tân cũng như ảnh hưởng của các đặc điểm trong tư tưởng canh tân đến xã hội Việt Nam giai đoạn này.

Từ khóa: đặc điểm, tư tưởng canh tân, Việt Nam, cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX.

1. GIỚI THIỆU

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chế độ quân chủ Việt Nam lâm vào khủng hoảng trên nhiều lĩnh vực. Thêm vào đó, cuộc xâm lược của thực dân Pháp diễn ra càng thêm gay gắt. Canh tân đã trở thành xu hướng tất yếu nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc Việt Nam trước sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp. Trong bối cảnh ấy, một tầng lớp quan lại, sĩ phu có xu hướng canh tân với hàng loạt những kiến nghị, cải cách từ kinh tế đến chính trị như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Bùi Viện, Đặng Huy Trứ, Trần Đình Túc, Nguyễn Hữu Giàu, Đinh Văn Điền, Nguyễn Thông... hay Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là những nhà canh tân đầu thế kỷ XX. Những tư tưởng canh tân trong thời kỳ lịch sử này được coi như là một phương sách cứu nước mới.

Do vậy, việc tìm hiểu đặc điểm tư tưởng canh tân ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX cũng chính là tìm hiểu một chủ trương cứu nước mới lúc bấy giờ. Nghiên cứu đặc điểm canh tân trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam có ý nghĩa hết sức quan trọng. Mặc dù tư tưởng canh tân tồn tại trong xã hội Việt Nam thời gian ngắn và còn những hạn chế do điều kiện lịch sử - xã hội và quan điểm, lập trường giai cấp chế định, nhưng đã tạo nên sự chuyển biến ý thức hệ trong xã hội Việt Nam thông qua cuộc canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, góp phần giải quyết những yêu cầu bức thiết mà lịch sử đặt ra cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Do tiếp cận dưới góc độ của khoa học lịch sử, cho nên phương pháp lịch sử và phương pháp logic được sử dụng như những phương pháp chủ yếu nhất.

Phương pháp lịch sử được vận dụng nhằm tái hiện lại bối cảnh và nội dung của tư tưởng canh tân ở Việt Nam trong giai đoạn. Phương pháp logic được sử dụng để chỉ ra các nhân tố tác động cùng những ảnh hưởng của các đặc điểm trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến xã hội Việt Nam. Ngoài ra, công tác còn sử dụng các phương pháp bổ trợ khác như phân tích, tổng hợp, phương pháp phân kỳ, hệ thống hóa và so sánh để giải quyết các vấn đề đặt ra.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Bối cảnh thế giới và trong nước

3.1.1. Bối cảnh thế giới

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn có nhiều sự kiện mang tính thời đại, có ảnh hưởng rất lớn đối với quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người và có tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội Việt Nam. Chủ nghĩa tư bản đã tiến hành xâm lược và áp dụng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, làm biến đổi sâu sắc các mặt của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của các dân tộc thuộc địa. Các nước Nhật Bản và Trung Quốc đã tiến hành canh tân đất nước, tạo ra sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, làm thay đổi căn bản chế độ chính trị.

Nhật Bản: Đầu thế kỷ XIX, triều đại Tokugawa vẫn duy trì chính sách đóng cửa. Năm 1825, Nhật hoàng ra sắc lệnh cấm tất cả các tàu ngoại quốc cập cảng của Nhật, cấm giáo sĩ phương Tây hiện diện trên đất nước. Đầu vậy, ngoại thương của Nhật vẫn mạnh mẽ hình thành giữa vô vàn sắc lệnh cấm đoán của người đứng đầu nước Nhật: Hòa ước hữu nghị và thương mại Nhật - Mỹ được ký vào năm 1854. Hai năm sau là sự xuất hiện của Thương xá quốc tế và Phòng dịch sách ngoại quốc trên nước Nhật. Chính

sách mở cửa của Nhật Bản chỉ được thực thi từ năm 1868, khi Minh Trị lên ngôi. Cải cách Minh Trị với các biện pháp mở cửa, lập Hiến pháp mới, cho phép tiếp thu khoa học, kỹ thuật phương Tây đã thổi một luồng gió mới vào nền kinh tế nước này và mở ra thời kỳ mới cho Nhật Bản: thời kỳ canh tân đất nước.

104. **g Quốc:** Trung Quốc dưới triều Mãn Thanh đã triệt để thi hành chính sách “bế quan tỏa cảng”, hoàn toàn đóng cửa với phương Tây và thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, Hiệp ước Nín Kinh (kí ngày 29/8/1842) đã buộc Trung Quốc phải mở cửa, áp dụng 81 do mậu dịch với các quốc gia khác. Các cảng: Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba, Thượng Hải, 29 ng Kông lần lượt trở thành nhượng địa của Anh.¹ Phong trào Thái bình thiên quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo tiếp tục giáng 26 những đòn mạnh mẽ vào triều đình nhà Thanh. Sự khủng hoảng và suy vi trên nhiều phương diện đẩy nhà Thanh đến 29 phải ký Hòa ước Thiên Tân (1885) chính thức biến Trung Quốc 20 nh nước nửa thuộc địa của Anh, Mỹ, Pháp. Việc Trung 41 ộc thất bại trong “Chiến tranh nha phiến” khiến xã hội ngày càng suy đồi, mộ 2 ảng lớp trí thức mới của Trung Quốc đã xuất hiện. Bên cạnh đó, phong trào dân chủ tư sản ở phương Tây, thực tiễn đặt câu hỏi cho dân tộc Việt Nam là phải bằng con đường cách mạng nào để bảo vệ độc lập cho dân tộc và phát triển đất nước? Câu hỏi này đã đưa đến sự hình thành những tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

3.1.2. Tình hình trong nước

- Quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp

Trước phát súng kí 6 chiến của thực dân Pháp, triều đình nhà Nguyễn đã cử Nguyễn Tri Phương dựng phòng tuyến, thực hiện “vườn không nhà trống”, cầm chân Pháp trong suốt 5 tháng. Tiếp đó, khi Pháp tấn công Gia Định, triều đình trung ương tiếp tục xây thành, đắp 6 y và phối hợp cùng nhân dân chống Pháp. Sự kiện đại đồn Chí 136 thất thủ (23/2/1861), quân đội chính quy tan rã, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút quân - đã đánh dấu sự thất thế của nhà Nguyễn trên chiến trường. Triều đình Huế buộc phải ký Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862), nhượng cho thực dân Pháp nhiều quyền lợi.

Sau Hiệp ước năm 1862, nhà Nguyễn đã ra lệnh 48 ai tấn phong trào kháng chiến, giao nộp khí giới, bước đầu trả chiến phí cho Pháp, cử phái đoàn sang Paris thương thuyết, xin c 12 c ba tỉnh miền Đông nhưng thất bại. Đồng thời, nhà Nguyễn tăng các sắc thuế (1867), bán ruộng công làm ruộng tư (1869), đàn áp khởi nghĩa nông dân... 120 giá về cuộc xâm lược của tư bản phương Tây, các tác giả Đại cương Lịch sử Việt Nam nhận xét: “Tư bản Pháp đã chọn đúng lúc để nổ súng xâm lược Việt Nam khi chế độ phong kiến Việt Nam đang đi sâu vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng... nước Việt Nam đã suy yếu về

mọi mặt và trở thành miếng mồi ngon đối với các nước tư bản phương Tây.”²

Từ ngày 20 đến ngày 24/6/1867, quân Pháp đã chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây mà không tốn một viên đạn. Sau khi chiếm xong Nam Kỳ, thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ n 12 (1873) theo chủ trương của Đô đốc Dupré: biến vua quan nhà Nguyễn thành lực lượng hỗ trợ, “đặt Bắc Kỳ dưới quyền đô hộ của Pháp mà chính phủ Pháp không phải tốn m 12 gười hay một xu nào” (báo cáo của Dupré gửi về Bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp). Dupré đã cho thấy những tính toán khôn ngoan và đúng đắn. Trong khi quân dân Bắc Kỳ 6 đang anh dũng chống lại thực dân Pháp làm nên chiến thắng Cầu Giấy khiến quân Pháp hoang mang, e ngại thì nhà Nguyễn lại ký với Pháp Hiệp ước Giáp 19 át (15/3/1874). Nội dung cơ bản là để đổi lại việc Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ, Triều đình Huế phải thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ hoàn toàn thuộc Pháp.

Năm 1882, Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai. Bất chấp chiến 21 ng Cầu Giấy lần thứ hai khiến thực dân Pháp toan bỏ chạy, triều đình Huế tiếp tục chủ 158 ng thương lượng với thực dân. Nhân cơ hội đó, 6 u khi có thêm viện binh và lợi dụng cái chết của vua Tự Đức khiến nội bộ triều đình mâu thuẫn, lực ục... thực dân Pháp đã đem quân đánh thẳng vào Thuận An - cửa ngõ kinh thành Huế. Ngày 28/8/1883 triều đình Huế chấp nhận ký 6 Hiệp ước Quý Mùi 1883 (Hiệp ước Hác - măng), chính thức thừa nhận nền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ; triều đình được cai quản Trung Kỳ nhưng mọi việc phải thông qua viên Khâm sứ Pháp ở Huế. Hiệp ước 29 i cùng của nhà Nguyễn cho Pháp được ký vào ngày 6/6/1884 (Hiệp ước Pa-tơ-nốt) 159 i thức biến Việt Nam trở thành một nước mất hoàn toàn độc lập, tự chủ.

- Điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự xâm lược, thống trị và khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi cả về cấu trúc kinh tế và xã hội. Về kinh tế, dưới tác động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa do thực dân Pháp áp đặt, nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến từ nền kinh tế phong kiến lạc hậu, khép kín sang nền kinh tế thuộc địa - tư bản chủ nghĩa. Song, tính chất và trình độ phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX còn yếu ớt và chậm chạp: “một thứ tư bản chủ nghĩa thuộc địa, phụ thuộc hoàn toàn vào chính quốc.”³

Về chính trị - xã hội, để phục vụ đắc lực cho công cuộc “bảo hộ” và “khai hóa văn minh”, thực dân Pháp thiết lập một chế độ chuyên chế về chính trị mang tính chất thực dân với bộ máy cai trị và tay sai để đàn áp và bóc lột nhân dân Việt Nam. Về văn hóa,

giáo dục, dưới chiêu bài “khai hóa”, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” về giáo dục, “nô dịch” về văn hóa và “đầu độc” về tư tưởng đối với toàn thể dân tộc Việt Nam để dễ dàng cai trị. Về cơ cấu giai cấp, chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tồn tại đan xen giữa những giai cấp cũ (địa chủ phong kiến, nông dân) với những giai cấp mới (tư sản, tiểu tư sản và công nhân). Xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản đó là mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp địa chủ - phong kiến (mâu thuẫn vốn có của xã hội phong kiến); mâu thuẫn mới xuất hiện là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Trong đó, mâu thuẫn cơ bản nhất là giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

Trong bối cảnh ấy, dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ: một là, tiến hành canh tân đất nước về mọi mặt; hai là, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu: “đất nước và dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ lịch sử rất trọng đại, rất khẩn cấp: một là nhiệm vụ duy tân, nghĩa là từ bỏ sự đình trệ phong kiến Châu Á để phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa như Âu Mỹ; hai là bảo vệ nền độc lập dân tộc chống thực dân xâm lược” hai nhiệm vụ có liên quan mật thiết với nhau.⁵⁴ Trước yêu cầu cấp thiết của lịch sử, các nhà tư tưởng như Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh với tư tưởng canh tân đất nước về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... với mục đích làm cho đất nước phú cường, để đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc. Bối cảnh thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là tiền đề khách quan hình thành nên tư tưởng canh tân ở Việt Nam.

3.2. Đặc điểm của tư tưởng canh tân

Trên nhất, tư tưởng canh tân được ra đời dựa trên truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, là tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam trước sự xâm lăng của thực dân Pháp và năng lực tư duy cá nhân của các nhà tư tưởng.

Lịch sử bi thương và hào hùng của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã cung cấp thêm một minh chứng hùng hồn cho lời tổng kết về đất nước và con người Việt Nam của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi trong Đại cáo bình Ngô:

“...Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau

Mà hào kiệt không bao giờ thiếu...”⁵⁵

Trước họa ngoại xâm, trong việc giải quyết mâu thuẫn chủ yếu lúc đó là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp. Chính sức mạnh tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước đã làm cho các cuộc kháng chiến của nhân dân bùng lên mãnh liệt chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp, bất chấp lệnh bãi binh của triều đình. Hơn nữa, trong bối cảnh ấy, sức mạnh trí tuệ Việt Nam được huy động cao độ để sản sinh ra những chí sĩ có tư tưởng đổi mới, nỗ lực tìm hướng tự cường, đưa dân tộc thoát khỏi họa mất nước.

Các nhân vật cải cách Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch... đều được tôi luyện và trưởng thành trong môi trường Nho giáo. Như vậy, trong hàng nghìn quan chức, nho sĩ cùng đều là sản phẩm của thời thế, cùng chịu sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội, của nền giáo dục khoa cử, từ đó trong những chỉ có một số người nhận thức được tình thế hiểm nghèo của dân tộc, đưa ra được nhiều đề nghị đổi mới giáo dục, cải cách kinh tế, tăng cường quốc phòng... nhằm cứu vãn đất nước khỏi họa ngoại xâm. Điều này chỉ có thể được lý giải là ngoài những tiền đề khách quan, sự xuất hiện tư tưởng canh tân còn do nhân tố chủ quan quyết định chính là tinh thần nồng nàn yêu nước, phản trở trước vận mệnh dân tộc của tầng lớp trí thức và năng lực tư duy của cá nhân các nhà cải cách.

Thứ hai, tư tưởng canh tân là sự chuyển biến ý thức hệ từ phong kiến sang dân chủ tư sản.

Bối cảnh lịch sử thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có nhiều biến động. Trước tình hình đó, triều đình Tự Đức, do ảnh hưởng và chịu sự chi phối nặng nề của thế giới quan Nho giáo lạc hậu đã không nhận thức được thế một cách đúng đắn, khách quan. Có thể nói, Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vẫn chịu sự chi phối nặng nề của thế giới quan khép kín, giới hạn trong khuôn khổ của hệ tư tưởng phong kiến mà tư tưởng Nho giáo làm nòng cốt. Với những quan niệm lạc hậu về thiên đạo trời, mệnh trời, về lịch sử như “xưa hơn nay”,... đã tạo ra sự thụ động trong nhận thức và hành động của người Việt Nam. Do vậy, tầm nhìn của dân tộc Việt Nam, cũng như của mỗi con người trong hội ấy đã bị hạn chế bởi thế giới quan hạn hẹp của chế độ phong kiến. Trong bối cảnh đó, tình hình thế giới bên ngoài hết sức sôi động, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển mạnh mẽ, các trào lưu tư tưởng dân chủ tiến bộ đang ảnh hưởng rất lớn đến các quốc gia phong kiến phương Đông. Những cản trở này, khiến Nguyễn không phân tích được đúng thời thế, dẫn tới sai lầm trong hoạch định đường lối phát triển đất nước cũng như chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp. Trước tình hình đó, các nhà tư tưởng canh tân Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng

Huy Trứ, Phạm Phú Thứ... có điều kiện được tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng tiến bộ bên ngoài.

Cùng với cách nhìn mới về thời đại, về mối quan hệ giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài, các nhà canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng có những đóng góp nhất định trong việc xây dựng tư duy mới về kinh tế. Cốt lõi của đường lối “trọng vương, khinh bá” là việc giải quyết trên quan điểm Nho giáo mối quan hệ giữa nghĩa và lợi, mà thực chất nói về mối quan hệ giữa đạo đức và kinh tế. Có thể khẳng định, tư tưởng trọng nghĩa khinh lợi là một đặc trưng cơ bản của nền chính trị - đạo đức Nho giáo. Do đó, Nho giáo đề cao đường lối nhân - nghĩa là vương đạo, khinh thường đường lối bá đạo là đường lối coi trọng cái lợi, đề cao sức mạnh vật chất. Chẳng hạn, Không Tử đề cao đạo đức nhân nghĩa của người quân tử không màng giàu sang, phú quý: “Phú quý dữ, thị nhân chi bất dĩ kỳ đạo chi, bất xử dã.”⁶ Như vậy, những tư tưởng như trọng vương khinh bá, trọng nghĩa khinh lợi, trọng nông ức thương... là những tư tưởng phái sinh từ đường lối nhân trị, đức trị. Những tư tưởng này, được nhà Nguyễn tiếp thu, đẩy tới mức cực đoan gây ảnh hưởng lớn tới việc hoạch định các chính sách cai trị và điều hành đất nước.

Đứng trước đòi hỏi cấp bách phải nâng cao sức mạnh toàn diện, đặc biệt là sức mạnh kinh tế của dân tộc để chống ngoại xâm, các nhà tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mà tiêu biểu là Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ... xác lập một quan niệm mới về kinh tế chính là cao vai trò của kinh tế, của sản xuất vật chất trái hẳn với quan niệm cổ hủ trọng sĩ hơn thương trong thứ bậc Sĩ - Nông - Công - Thương mà các vương triều phong kiến trước đó quan niệm. Theo các nhà canh tân, điều lợi chính là làm điều nghĩa bởi mục đích vì dân, vì nước của việc làm và với họ, cái lợi gắn với sự ấm no, giàu mạnh của nhân dân, của đất nước chính là cái nghĩa ở mức cao cả nhất. Vì thế mà làm lợi và làm lợi không hại đến nghĩa. Sự đổi mới tư duy về kinh tế là cơ sở lý luận cho việc tất yếu phải phát triển kinh tế về mọi mặt nhằm đưa đất nước vào con đường văn minh, phát triển, mà trước hết là tạo ra nguồn tài lực dồi dào cung cấp cho công cuộc bảo vệ đất nước.

Bên cạnh đó, các nhà canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng đạt được những tiến bộ nhất định trong tư tưởng dân chủ. Bởi, trong hệ tư tưởng phong kiến thì mối quan hệ giữa vương quyền và thần quyền thống nhất với nhau, cùng với tư tưởng triết lý “Thiên mệnh”, cũng như quan niệm “tôn quân quyền” thống trị trong đời sống xã hội. Theo đó, về mặt xã hội, quốc gia thì vua được coi là “Thiên tử” thay trời hành đạo chấn dất dân chúng, còn về mặt tinh thần thì thần, thánh, trời, mệnh trời...

những lực lượng giữ vai trò chi phối. Như vậy, nhân dân được hiểu là thần dân, được xem như tài sản thuộc quyền sở hữu của thiên tử. Do đó, thần dân không được xem là chủ thể của quyền lực xã hội. Nhưng đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam chứa đựng nhiều mâu thuẫn cần giải quyết, đặc biệt là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Để có thể canh tân, cải cách, bảo vệ chủ quyền dân tộc thì vấn đề giữ vững ổn định xã hội, ổn nhất lòng dân là điều tối quan trọng. Do đó, các nhà canh tân Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ... chủ trương lấy dân làm gốc; đề cập đến vị trí, vai trò của dân, quyền và nghĩa vụ của dân cũng như trách nhiệm của người làm vua, làm quan đối với việc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Những quan niệm này có tác dụng nhất định làm thay đổi ý thức hệ trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam và là bước quá độ, là khâu trung gian chuyển từ tư tưởng phong kiến sang tư tưởng chủ tư sản. Từ đó, đặt nền móng cho một hệ ý thức mới - hệ tư tưởng dân chủ tư sản sẽ được hình thành ở giai đoạn sau. Do đó, tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX không chỉ là vũ khí tinh thần cho các lực lượng, tầng lớp tiến bộ trong xã hội mà còn góp phần cổ vũ tinh thần đấu tranh không mệt mỏi của nhân dân ta, đặc biệt là các sĩ phu yêu nước đầu thế kỷ XX.

Tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trở thành cơ sở lý luận, khơi dậy nhiều phong trào cải cách đất nước ở những mức độ nhất định, nó không còn nằm trong khuôn khổ tư tưởng phong kiến nhưng cũng không nằm trong khuôn khổ tư tưởng tư sản, mà nó mang tính chất quá độ giữa tư tưởng phong kiến và tư tưởng tư sản. Vì thế, tư tưởng canh tân được xem là sự khởi đầu cho giai đoạn vận động, phát triển của tư tưởng canh tân Việt Nam. Trước hết, Phan Bội Châu thực hiện bước đột phá về hệ tư tưởng Nho giáo, ban đầu ông thấy rằng, cần phải đổi mới, canh tân về hệ tư tưởng, sau đó, khi phát động cách mạng ở nước ngoài, chịu ảnh hưởng dân chủ tư sản, ông đã chuyển hướng tư tưởng dân chủ tư sản. Sự chuyển hướng này hoàn toàn phù hợp với thời đại, phản ánh được sự thay đổi của đời sống xã hội Việt Nam. Khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) lan khắp năm châu, đặc biệt ở Trung Quốc và Việt Nam thì tư tưởng canh tân Phan Bội Châu tiếp tục có bước chuyển mới, bước đầu tiếp cận cách mạng vô sản.

Mặc dù vẫn sử dụng những quan niệm cũ của Nho giáo như nghĩa - lợi, trời - người, quân - thần,... nhưng trong chừng mực nhất định, có thể khẳng định, tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã đạt được những tiến bộ nhất định

trong tư tưởng đề cao lợi ích vật chất³⁴ tư tưởng dân chủ; tư tưởng dùng pháp luật trị³⁵ trị nước, phù hợp với xu thế chung của thời đại, đáp ứng yêu cầu vận động của thực tiễn xã³⁶ hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đang chuyển từ phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản. Những tư tưởng này, dù mới ở trình độ rất sơ khai, chưa thật hoàn chỉnh và mang nặng tính chất phong kiến³⁷ nhưng đã chứa đựng một số mầm mống của tư tưởng dân chủ³⁸ tư sản. Nếu như tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX³⁹ đã⁴⁰ trong quá trình đòi hỏi phải đi theo con đường dân chủ tư sản, thì tư tưởng canh tân⁴¹ đầu thế kỷ XX đã đi đến chỗ đòi qu⁴² lợi dân quyền dân chủ cho nhân dân. Do đó, tư⁴³ tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam giai đoạn này có tác dụng làm thay đổi nhận thức đương thời nhưng cũ⁴⁴ chưa định hình là một ý thức hệ tư sản hoàn thiện⁴⁵ tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp tư sản. Vì thế, tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mang tính⁴⁶ chất là khâu trung gian, là bước quá độ góp phần chuyển từ phạm trù tư tưởng phong kiến sang phạm trù mới tư tưởng dân chủ⁴⁷ tư sản. Lý giải về nguyên nhân của tính quá độ trong tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX⁴⁸ chúng ta phải xem xét những yếu tố của thời đại. Sự thất bại của phong trào Cần Vương đã dẫn⁴⁹ đến sự thất bại của ý thức hệ phong kiến; song g⁵⁰ 139 áp tư sản đang trong quá trình hình thành nên vai trò lãnh đạo cách mạng đặt⁵¹ vai các sĩ phu phong kiến. Trong bối cảnh đó, trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản đã dội vào V⁵² 51 Nam bằng nhiều con đường khác nhau; Do đó sự tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản của c⁵³ 140 i phu phong kiến cũng chưa thật hoàn⁵⁴ 15 iện. Đây chính là những nguyên nhân làm cho tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX⁵⁵ đầu thế kỷ XX mang tính chất quá độ chuyển biến từ ý thức hệ phong kiến sang ý thức hệ dân chủ tư sản.

Thứ ba, *tư tưởng canh tân có sự kết hợp giữa yếu tố trong nước và yếu tố ngoài nước.*

- Những yếu tố nước ngoài:

Yếu tố từ Tân văn, Tân thư: Tân văn, Tân thư là những cuốn sách hay báo chí chứa đựng những kiến thức mới, thường là³² 154 iá cạnh tư tưởng khác hoàn toàn với những l³³ 32 sách Nho học như Tứ Thư, Ngũ Kinh,... N³⁴ 149 sĩ phu Việt Nam tiếp xúc với những cuốn sách thông qua nhiều cách thức khác nhau. Một số thì tiếp xúc trong lúc đi nước ngoài như Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ,... Một số khác thì tiếp xúc thông qua sự truyền bá của những tác phẩm này vào Việt Nam qua Hoa Kiều. Ở Quảng Nam, có Châu Thượng Văn là một thương nhân có tiếng, đã cung cấp Tân văn, Tân thư cho các chí sĩ ở đó như Nguyễn Thành, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu,... Bên cạnh đó, các chí sĩ cũng chuyển tay nhau những cuốn này như trường hợp cụ Nguyễn

Thượng Hiền đưa cụ Sào Nam một số Tân thư và bài luận nổi tiếng của Nguyễn Lộ Trạch. Hay như trường hợp cụ Tây Hồ mượn Tân thư từ các cụ Thân Trọng Huân, Đào Nguyên Phổ.

Yếu tố từ tư tưởng tam dân: Tô³⁰ 30 rung Sơn với tư tưởng tam dân cũng là một y⁴¹ 41 tố ảnh hưởng tới tư tưởng canh tân ở Việt Nam. Tam dân gồm dân tộc độc lập, dân sinh hạnh phúc, dân quyền tự do. Tư tưởng này đã trở thành cái mục tiêu hướng tới trên con đường tìm¹²¹ 121 ng canh tân dân tộc. Bản thân Tôn Trung Sơn cũng đã từng gặp gỡ Phan Bội Châu, v⁴⁰ 40 ai lần bút đàm với nhau. Cụ Sào Nam kể rằng: “Biết trong óc tôi chưa thoát khỏi tư tưởng quân chủ, nên hết sức bài bác đảng quân chủ lập³³ 33 i là hư nguy, mà kết thúc nghị luận thì cốt muốn đảng nhân Việt Nam gia nhập Trung Quốc cách mệnh đảng. Hễ đến lúc Trung Quốc cách mệnh đảng thành công thì đem cả toàn lực diu dắt hết các nước bị bảo hộ ở Á châu đồng thời giành độc lập, bước thứ nhất là viện trợ cho Việt Nam trước.”⁹⁶

Yếu tố từ thời cuộc: Tháng 6 – 1898, Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu cùng phái Duy Tân vận động thành công vua Quang Tự nhà Thanh tiến hành cải cách nhiều mặt với hi vọng đưa Trung Quốc thành một nước hiện đại hơn và thoát khỏi vòng của thực dân phương Tây siết chặt. Mặc dù, Bách¹⁴⁴ 144 Duy Tân thất bại sau 103 ngày tuy nhiên vẫn g¹⁰⁰ 100 ậy được tiếng vang lớn trong nước và với Việt Nam. Lương Khải Siêu chạy thoát sang Nhật Bản sau này đã được Phan Bội Châu tìm gặp và bút đàm với nhau. Chiến thắng¹⁹ 19 a Nhật Bản ở eo biển Đới Mã đã kết thúc cuộc chiến tranh Nga – Nhật với sự thất bại của đế quốc Nga. Thắng lợi này gây tiếng vang tr¹⁰⁰ 100 ắc nước Đông Á và khi nó truyền vào Việt Nam đã th¹¹ 11 êm m¹¹ 11 ường sinh khí mới cho các chí sĩ đang tìm đường canh tân đất nước. Nhật Bản trở thành điển hình của canh tân với sự thành công được chứng minh rõ rệt qua cuộc chiến này. Từ đây, t¹¹ 11 ột trào lưu học tập Nhật Bản bắt đầu nhen nhóm và phát triển thành phong trào Đông Du và sự ra đ¹¹ 11 ời của Đông Kinh Nghĩa Thục sau này.

- Những¹¹² 112 tố trong nước: các nhà canh tân thời kỳ này đã được¹⁴⁸ 148 xúc với các tư tưởng tiến bộ như Tân thư, các sách b³⁰ 30 ói về khoa học kỹ thuật và thậm chí có người được ra nước ngoài, tận mắt chứng kiến sự phát triển của các nước phương Tây...

Năm 1851, Phạm Phú Thứ có chuyến đi công cán ở Quảng Đông (Trung Quốc), ông có dịp tận mắt chứng kiến cảnh quan buôn bán, làm ăn tại đây: “Trên bến dưới thuyền, tàu bè ra vào tấp nập, giao³ 3 u hàng hóa nhộn nhịp, nhất là Quảng Đông đang là trung tâm thương mại quốc tế sầm uất...”⁸ Theo nhà nghiên cứu Quang Uyển, chuyến đi công cán Quảng Đông đã thức tỉnh Phạm Phú Thứ khỏi giấc ngủ mê của tư tưởng bế quan tỏa cảng kéo dài dưới

triều Nguyễn: “cảnh tượng phồn vinh trên bến dưới thuyền - ngoài sức tưởng tượng 30 a Mã Cao, một trung tâm mậu dịch quốc lớn, đã đánh thức ông trong giấc “ngủ mê trần tục” của tư tưởng bế tòa cảng.”⁵

Cũng nh 70 hạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ cũng đã sớm tiếp xúc với văn hóa phương Tây 31 à cả những tư tưởng tiến bộ của Tân Thư nữa: “Nguyễn Trường Tộ cũng có dịp ra nước ngoài, nếu không qua các nước Tây Âu, thì cũng qua các nước Đông Nam Á, nơi đây ông đã được đọc các sách báo Tây phương đã được 12 ra tiếng Trung Quốc. Theo ông Đào Duy Anh... trong tủ sách của Nguyễn Trường Tộ có rất nhiều 12 yển sách chữ Hán thuộc loại Tân thư.”¹⁰ Vì thế, Nguyễn Trường Tộ có kiến thức sâu rộng về khoa học kỹ thuật cũng như khoa học xã hội của Tây phương 123 Bên cạnh đó, Đặng Huy Trứ cũng đã sang đến Ao Mồ 134 Hương Cảng trong những năm 1865 và 1828. Tại đây, ông đã đề tâm nghiên cứu và tiếp thu kỹ thuật của các nước: “Trong thời gian ở nước ngoài, ông gặp gỡ và trao đổi ý kiến với nhiều nhà trí thức canh tân của Trung Quốc. Ông tiếp xúc với việc chế tạo máy móc, đóng thuyền, đúc súng đạn... Ông sưu tầm sách báo các nước, dịch ra 18 giới thiệu với giới trí thức trong nước...”¹¹

Sau khi cách mạng Tân Hợi ở Trung Hoa thành công, triều đình nhà Thanh nói chung và tư tưởng dân chủ tư bản đã thực sự thuyết phục được Phan Bội Châu noi theo con đường mới này để thay cho đường lối quân chủ lập hiến trước kia. Mặc dù vậy, Phan Bội Châu vẫn suy tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm chủ hội và chức vụ Bộ trưởng Tổng vụ của một hội đoàn mới được mang tên Việt Nam Quang phục Hội. Mặc dù, Quang Phục hội không 18 nài công, nhưng chúng ta cần khẳng định rằng, Việt Nam Quang p 2 c hội ra đời cùng với những hoạt động tích cực với 60 giúp đỡ của các tổ chức cách mạng Trung Quốc đã đánh dấu một bước chuyển tr 25 huynh hướng chính trị Việt Nam, cũng như đã đánh dấu một bước phát 95 n quan trọng trong tư tưởng của các bậc sĩ phu lãnh đạo ph 75 trào cách mạng lúc bấy giờ. Tóm lại, những chí sĩ duy tân như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh 20 húc Kháng, Trần Quý Cáp,... đều ít nhiều chịu ảnh hưởng từ tư tưở 153 nh tân của Nguyễn Lộ Trạch. Bên cạnh đó là tiếp nhận những tư tưởng mới từ 1 99 văn, Tân Thư và rồi từ chính những chí sĩ canh tân Trung Quốc như Khang Hữu 119 Lương Khải Siêu hay những người Nhật Bản như Inukai (Khuyến Dưỡng Nghị), Okuma (Đại Ôi 2 ọng Tín),... Yếu tố thời cuộc cũng tác động đến tư t 93 canh tân của những chí sĩ canh tân Việt Nam. Sau thất bại của đế quốc Nga trong cuộc chiến tranh Trung - Nhật, giới sĩ phu cấp tiến đã bị thu hút nhìn về Nhật Bản - một nước vốn đồng chủng đồng văn nay đã đánh bại một đế quốc phương Tây như

Nga. Nh 37 điều này dẫn đến trào lưu học tập theo mô hình Nhật Bản đề 15 canh tân đất nước.

Thứ tư, *tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX mang tính khu vực, vùng miền.*

Từ đầu thế kỷ XX, khi các phong trào yêu nước mới theo xu hướng dân chủ tư sản được các sĩ phu yêu nước Việt Nam phát động rầm rộ, vùng Nam Bộ cũng có những hoạt động hưởng ứng tích cực. Hai trụ cột của phong trào Duy Tân: Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều hết sức chú ý đến vùng Nam Bộ, bởi tiềm lực tài chính, và truyền thống yêu nước của cư dân nơi đây. Thực tế đã cho thấy, “phong trào Đông Du là cuộc vận động cứu nước do Duy Tân Hội phát động dưới sự lãnh đạo của Phan Bội Châu và Cường Để ở những năm đầu thế kỷ XX, phát triển rộng khắp trong cả nước. Riêng Nam Kỳ có bước phát triển sâu rộng nhất, có lãnh đạo, có tổ chức và có những điều kiện khả thi để cho phong trào Đông Du phát triển.”¹² Điều kiện để phong trào Đông Du phát triển ở Nam Bộ thực sự thuận lợi hơn rất nhiều so với các địa phương khác trên cả nước, do bởi vùng Nam Bộ, với tư cách là một khu vực trực trị của chính quyền Pháp, đã có một nền kinh tế - văn hóa tiếp cận với nền kinh tế thị trường ở một mức độ sâu rộng và trong thời gian dài. Những luồng ý thức hệ tư sản vì vậy có điều kiện nảy sinh và phát triển một cách mạnh mẽ, mà điều đó lại là một nhân tố quan trọng hàng đầu cho việc xu hướng yêu nước tư sản ra đời và khẳng định vị thế của mình trong phong trào yêu nước ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX nói chung. Đối với Phan Bội Châu, ngay từ khi thành lập Duy Tân Hội, ông cùng với một số nhà lãnh đạo của Hội đã nghĩ đến việc tranh thủ những thế mạnh của vùng Nam Bộ để tạo tiềm lực cho cuộc đấu tranh chống Pháp. Ngay từ năm 1903, Phan Bội Châu đến Châu Đốc, mục đích để thăm dò khả năng cách mạng ở nơi đây.

Nguyễn Thân Hiến lập *Khuyến du học hội*, đem phần lớn gia sản để ủng hộ quỹ du học sinh. Bản thân ông cũng từng dẫn một đoàn thanh niên xuất dương sang Nhật, sau đó hội kiến với Phan Bội Châu và Cường Để. Sau khi trở về nước, ông tiếp tục tích cực hoạt động để phát triển phong trào Duy Tân ở Nam Bộ. Nguyễn An Khương bỏ vốn lập Chiêu Nam Lầu ở Sài Gòn. Bề ngoài đây là một cơ sở kinh doanh nhưng thực chất đây là địa điểm hoạt động của các nhà yêu nước, là trạm chuyển 1 tiếp thanh thiếu niên để đưa sang Nhật du học. Song song với các hoạt động báo chí và kinh doanh, phong trào Đông Du ở Nam Bộ cũng được xúc tiến ngày càng mạnh mẽ. Hàng loạt thanh niên Nam Bộ khi ấy được sự động viên của gia đình cũng đã gia nhập phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng. Năm 1907 - 1908, số du học sinh Nam Kỳ chiếm tới 50% số du học sinh cả nước. Phong trào

Đông Du ở Nam Bộ thực sự đạt một tầm vóc hơn hẳn các địa phương khác trên cả nước. Điều đó không chỉ thể hiện ở sự áp đảo về số lượng du học sinh Nam Kỳ so với Bắc Kỳ hay Trung Kỳ, mà còn thể hiện bằng tiềm lực tài chính cũng như tấm lòng mà các nhà yêu nước Nam Kỳ đóng góp cho phong trào.

Ở Nam Bộ, điều kiện để huy động tài chính thuận lợi hơn rất nhiều so với miền Bắc và miền Trung. Các cơ sở kinh doanh nơi đây thành lập rất nhiều, rải đều khắp các tỉnh, hoạt động đa dạng, với sự góp vốn của nhiều đại điền chủ, nghiệp chủ, các chức sắc người Việt trong bộ máy chính quyền... nên các cơ sở này có một tiềm lực kinh tế rất mạnh. “Mỗi cơ sở quy tụ được từ mấy chục đến hàng trăm, có công ty có đến hàng ngàn người hùn vốn. Tùy theo công ty lớn nhỏ, mà số vốn đóng góp ở mỗi cơ sở, có nơi chỉ là bạc ngàn, có nơi là tiền muôn, tiền triệu. Con số này nói lên nhiệt tình của giới điền chủ đối với công cuộc Minh Tân”. Sự liên kết của phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ so với các khu vực khác được Trần Văn Giàu nhận định: “Phong trào Minh Tân thật ra cũng là một phong trào chính trị tương đương với phong trào Đông Kinh nghĩa thực ở Bắc - Trung, và hai bên có mối quan hệ với nhau”. Và hoạt động mà phong trào thực hiện: “Phong trào Minh Tân lôi cuốn giới điền chủ, một số quan lại và con nhà khá giả ở Mỹ Tho, Tân An, Cần Thơ... đến mức khiến thực dân phải khó nghĩ, lo ngại... Tuy nhiên, phong trào chưa lôi cuốn được giới nông dân, mặc dù người lãnh đạo hiểu rằng nông dân là tầng lớp cơ cực nhất. Giới điền chủ Nam Kỳ chưa lột xác để trở thành tư bản được... Về báo chí, cuộc Minh Tân để lại thành tích đáng kể là bộ báo “Lục tỉnh tân văn” từ số 1 đến số 50. Đây là tờ báo đối lập, công khai tranh đấu chống thực dân Pháp với chủ đích rõ rệt cần như đầu tiên trong làng báo Việt Nam”.

Song song với các hoạt động báo chí và kinh doanh, phong trào Đông Du ở Nam Bộ cũng được xúc tiến ngày càng mạnh mẽ. Hàng loạt thanh niên Nam Bộ khi ấy được sự động viên của gia đình cũng đã gia nhập phong trào Đông Du do Phan Bội Châu khởi xướng. Năm 1907 - 1908, số du học sinh Nam Kỳ chiếm tới 50% số du học sinh cả nước. Phong trào Đông Du ở Nam Bộ thực sự đạt một tầm vóc hơn hẳn các địa phương khác trên cả nước. Điều đó không chỉ thể hiện ở sự áp đảo về số lượng du học sinh Nam Kỳ so với Bắc Kỳ hay Trung Kỳ, mà còn thể hiện bằng tiềm lực tài chính cũng như tấm lòng mà các nhà yêu nước Nam Kỳ đóng góp cho phong trào. Hưởng ứng lời kêu gọi “khuyến quốc dân tư trợ du học văn” của Phan Bội Châu, nhân dân Nam Bộ trở thành đối tượng hưởng ứng mạnh mẽ nhất. “Nhiều yếu nhân của phong trào Đông Du như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn An Khương, Nguyễn Thần Hiến đã đem một phần gia sản lớn của mình ủng hộ

quỹ du học sinh.”¹² Có thể nói phong trào Duy Tân ở Nam kì có những yêu cầu và hình thức tổ chức ở mức độ cao hơn so với Bắc và Trung kì. Lực lượng nòng cốt của hai xu hướng này cũng khác nhau: Nguyễn Trường Tộ bắt buộc phải dựa vào chính quyền để sử dụng lực lượng ấy, đồng thời từng bước phát triển và hình thành nó. Ông đều hướng tới việc thuyết phục triều đình nhà Nguyễn nghĩa là tập trung tranh thủ sự ủng hộ từ bên trên. Ông đã đứng ở vị trí bên ngoài không thuộc biên chế cán bộ - quan lại của triều đình nên gặp khó khăn.

Thứ năm, lực lượng đề xuất canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX đa số do thành phần văn thân, sĩ phu Nho học, trí thức khởi xướng. Trong khi đó, người có thể thực thi các đề nghị canh tân là người đứng đầu nhà nước quân chủ. Sự bất cập trong thành phần đề xuất với thực thi canh tân ở Việt Nam là một khó khăn khiến cho các đề nghị canh tân không thể thực hiện và gặp rất nhiều khó khăn. Điều này khác với các quốc gia cũng thực hiện canh tân, mới mới đất nước như Nhật Bản hay Thái Lan.

Nhật Bản có chế độ phong kiến kéo dài trong lịch sử, đến giữa thế kỷ XIX, chế độ phong kiến rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc, nguy cơ không thể chống nổi sự đe dọa của phương Tây. Ngày 6/4/1868, Thiên Hoàng Minh Trị đã làm một cuộc cải cách toàn diện xã hội về chính trị, quân sự, văn hóa, giáo dục, xã hội. Sự nghiệp cải cách của Nhật Bản đã thôi thúc các nhà canh tân Việt Nam đi tìm lời giải đáp cho dân tộc về vấn đề độc lập, chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ, phát triển đất nước, tiếp nhận văn minh phương Tây. Nhìn sang Thái Lan, thành công của công cuộc cải cách ở nước này là kết quả của một quá trình lâu dài được các vua Thái (từ Rama I đến Rama V) thực hiện một cách chủ động, có tính toán phù hợp với tình hình nội tại của đất nước và khu vực. Tuy nhiên, những cải cách thực sự mạnh mẽ, hiệu quả được thi hành chủ yếu vào thời Rama VI (Mông Kút) và Rama V (Chulalongkorn). Bản thân Mông Kút và Chulalongkorn là những người giàu năng lực, am hiểu phục vụ Tây trực tiếp khởi xướng và chủ động thực hiện cải cách. Có thể nói, thành công của công cuộc cải cách ở Thái Lan có vai trò quyết định của Mông Kút và Chulalongkorn – những người đứng đầu nhà nước.

Thực tế đã chứng minh, điều kiện cần thiết (có thể nói là quan trọng nhất) để có thể thực thi canh tân, cải cách trên diện rộng chính là quyền lực mà nhân vật nắm trong tay. Ở trong nước, trong thời kỳ phong kiến, cải cách của Hồ Quý Ly được tiến hành vào những năm cuối của thế kỷ XIV - giai đoạn “mạt Trần” và kéo dài sang những năm đầu triều đại nhà Hồ. Trước yêu cầu bức thiết của thời cuộc, Hồ Quý Ly đã thực thi hàng loạt cải tổ trên nhiều phương diện: hạn điền, hạn nô, dời kinh cùng tòa thành Tây

Đô mới về Thanh Hóa, ban hành và lưu thông tiền giấy Thông báo hội sao (về sau được thay thế bằng tiền Thánh Nguyên thông báo)... Còn Nguyễn Huệ năm 1789, khi đại phá quân Thanh, đã lên ngôi hoàng đế. Một trong những biện pháp đầu tiên được vua Quang Trung thực thi là tiến hành cải cách đất nước trên diện rộng. Điều rất dễ nhận thấy là khi tiến hành cải cách đất nước, cả Hồ Quý Ly lẫn Quang Trung đều nắm trong tay quyền lực cao nhất, là người chỉ huy đất nước.

11. Xu đáng tiếc cho những “tác giả” đề xuất công cuộc canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX đã không có được điều kiện cốt tử này. Họ có năng dân, có tài kinh bang tế thế nhưng lại thiếu quyền lực trong tay. Trong khi người nắm quyền (qua Tự Đức) lại không có đủ năng lực hành động đất nước đi theo con đường đó. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh: Khi nào người đứng đầu đất nước có đủ quyền lực và năng lực song hành, lúc đó quốc gia sẽ thái bình, thịnh trị mà thời Lê Thánh Tông là ví dụ điển hình. Ở chiều ngược lại, những người đứng đầu có quyền lực mà thiếu trí tuệ (vô minh), đất nước sẽ vào khủng hoảng - rối ren: binh biến tướng thoái, trẻ không kính già, trò không trọng thầy, tham nhũng tràn lan, sĩ phu ngoảnh mặt, họa xâm lăng - đô hộ cận kề... Linh mục Trương Bá Cần nhận xét hơn song cũng lên án Tự Đức: “Điều không may cho Nguyễn Trường Tộ chính là đã ở vào một thời đại với một ông vua nhu nhược, với những quan lại vô trách nhiệm, với một tầng lớp sĩ phu lỗi thời lạc hậu.”¹⁰... Trong bối cảnh nền văn minh nông nghiệp ngày càng trở nên lạc hậu, học thuyết Khổng - Mạnh không thích ứng được với thời cuộc thì người đứng đầu triều đình Huế vẫn chìm trong ảo tưởng: “văn chương của ông Khổng, ông Mạnh khiến cho 126 n giặc phải lui.”¹³ Để những kiến nghị, hoặc 142 lực thực hiện một cách rời rạc hoặc bị từ chối. Những điều trần của Nguyễn Trường Tộ không những không tác động được đến vua Tự Đức mà còn bị 20 ý quở trách: “quá tin những điều mà y đưa ra và lại thúc giục nhiều lần đến thế khi mà trẫm đã có đủ phương sách để điều khiển quốc gia.”¹⁴

Ở mức độ cao hơn, sự bảo thủ, trì trệ “thiếu tầm nhìn xa trông rộng, không thức thời, không quyết tâm trong đổi mới” của Tự Đức còn được Nguyễn Trọng Văn xem là nguyên nhân chủ đạo dẫn đến thất bại 16 đồng canh tân đất nước nửa cuối thế kỷ XIX. “Nếu Tự Đức là người quyết tâm canh tân đất nước thì ông không chỉ tập hợp được những người có tư tưởng canh tân xung quanh mình mà với 16 người nắm trọn quyền hành cai trị đất nước thì tư tưởng canh tân sẽ có ảnh hưởng không nhỏ trong quan lại nói riêng và giới trí thức nói chung lúc bấy giờ và khi đó, vai trò của trí thức phong kiến Việt Nam sẽ khác đối với cuộc canh tân đất nước.”⁷ Tóm lại, thành phần tham gia vào công cuộc xâm lược (1858)

đến lúc toàn bộ đất nước rơi vào tay giặc (204); xu hướng canh tân được diễn ra khắp mọi miền đất nước, kể cả ở ngay Kinh đô Huế; đối tượng có thể là giáo dân Thiên Chúa giáo, 20 cũng có thể thuộc các tín ngưỡng khác, những người dân có học binh thường hoặc là Nho sĩ, là người từng đỗ đạt đang làm quan hay bị cách chức của Tự Đức.

Thứ sáu, phong trào canh tân cuối thế kỷ XIX không phải là sự kết thúc để cho phong trào canh tân đầu thế kỷ XX bắt đầu lại mà ở đó là sự chuyển biến liên tục, kế thừa. Những năm đầu thế kỷ XX là 44 thời gian giao thoa giữa phong trào canh tân theo xu 155 g phong kiến và xu hướng dân chủ tư sản. Qua các phong trào đầu 26 đầu thế kỷ, có thể thấy rằng “một lớp sĩ phu thì 52 đầu đi tìm tiếng nói mới, tư tưởng mới trong những di văn của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ, nhà 58 trong “Tân thư” từ Trung Quốc gửi sang, mang tư tưởng dân chủ tư sản Tây phương 26 lớp sĩ phu khác và một số đông nhà yêu nước xuất thân từ nhân dân thì soạn lại trong kho vũ khí sẵn có của tổ tiên, của nhân dân, xem còn có vũ khí nào đặc dụng hay không, và họ trở về với nhà chùa và với phương thuật quen thuộc.”¹⁴

Tính chất kế thừa còn có thể hiện thông qua cuộc vận động Duy Tân đầu 19 kỷ XX. Những yếu nhân của phong trào hầu hết đều là những sĩ phu yêu nước, tiếp nhận tư tưởng dân chủ 34 nước ngoài. Mặt khác, tuy cổ động việc học hỏi văn minh phương Tây, các 34 hu yếu nước vẫn không phải hoàn toàn phủ n 60 những tín điều của Nho giáo, vốn là nền tảng của chế độ phong kiến. “Phan Châu Trinh đã khẳng định rằng, đạo đức của Khổng - Mạnh và Tây Âu có 29 ng điểm tương đồng và đều chân chính, do đó “đem văn minh Châu Âu về, tức là đem đạo Khổng Mạnh về 125 cho rõ thêm đạo Khổng Mạnh.”¹⁵ Có thể nói, phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX, 115 đã mang hơi thở dân chủ tư sản, nhưng vẫn còn dấu ấn đậm nét của ý thức hệ phong kiến.

Đến nh 24 năm của thế kỷ XX, ý thức hệ dân chủ tư sản đã dần dần xác lập được chỗ đứng trong phong trào canh 108 Bắt đầu phát động được những cuộc đấu tranh thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. Thế nhưng 43 hướng này vẫn không thể hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của ý 109 hệ phong kiến. Tuy nhiên, phong trào canh tân theo xu hướng tư sản nhanh chóng bộc lộ những nhược điểm không thể khắc phục. Bộ phận theo chủ nghĩa dân tộc cải lương mất dần đi vai trò tích cực, quay sang thỏa hiệp với kẻ thù, chấp nhận trở thành tay sai cho giặc. Còn bộ phận theo chủ nghĩa dân tộc cách mạng 55 yếu đuối và bất lực. Trong bối cảnh đó, cùng với sự du nhập của chủ nghĩa Mác Lênin, xu hướng vô sản bắt đầu xuất hiện. Sự thành lập tổ chức Đảng cũng không hẳn là một sự xuất hiện hoàn toàn mới mẻ mà

thực⁴⁴ một phần là do kế thừa những thành quả của các xu hướng phong kiến và dân chủ tư sản trong các giai đoạn trước. Các đảng¹ liên Cộng sản rất nhiều người xuất th²⁵ từ những tổ chức cách mạng dân chủ tư sản, như Đảng Thanh niên của Trần Huy Liệu, Thanh niên Cao vọng Đảng của Nguyễn An Ninh... Hơn thế nữa, tính chất kế thừa trong sự nghiệp hoạt động của Đảng không chỉ thể hiện trên mặt nhân sự, mà còn trên cả mặt lý luận, tư tưởng. Trong khi nhóm Tờ rớt kít ra sức³ quyền bá chủ nghĩa hư vô dân tộc, thì ngược lại, kế thừa truyền thống yêu nước c¹⁰³ dân tộc, Đảng hoàn toàn không đề ra chủ trương như vậy. Thực tế lịch sử đã chứng⁹¹ th chủ trương đó là đúng đắn. Bởi “ở Việt Nam, truyền thống lịch sử của dân tộc, ý thức phổ biến của nhân dân là đánh giá mọi việc lớn nhỏ, từ nhân vật đến biến cố, từ tác phẩm đến ý thức tư tưởng¹⁷ chiếu theo tiêu chuẩn quang minh chính đại của chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước là hòn đá thử vàng chính của tất c⁸³”

Có thể nói, kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, dung hợp những giá trị của các xu hướng đi trước, bổ sung những giá trị tinh hoa đương đại, đó chính là chìa k²⁹ thắng lợi của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Tóm lại, các xu hướng canh tân tuy khác nhau¹¹⁸ bản chất, về chiến lược chiến thuật hoạt động và xuất hiện ở những thời điểm khác nhau, nhưng thực chất giữa các xu hướng ấy vẫn có sự vận động, kế thừa⁹⁰ tục. Sự nối tiếp ấy cũng chính là một đặc điểm thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam.

Thứ bảy, tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX là một cuộc canh⁸⁷ toàn diện đề cập đến nhiều phương diện song c³ khái quát thành ba nội dung cơ bản là quan đi²² canh tân về kinh tế, chính trị - xã hội; quan điểm canh tân về giáo dục, văn hóa và quan điểm canh tân về quân sự, ngoại giao.

Một là, tư tưở²² canh tân về kinh tế, chính trị: Các nhà canh tân Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu và Phan Châu T⁴¹... đều thừa nhận vai trò quyết định của kinh t² đối với các hoạt động khác của đời sống xã hội. Từ đó, họ đưa ra nhiều biện pháp để phát t¹²² kinh tế như chấn hưng nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ công nghiệp, khuyến khích người dân tự c¹¹⁷ nh doanh, buôn bán, mở rộng ngoại thương, tăng cường trao đổi hàng hóa với nước ngoài... làm cho d¹⁰⁵ u nước mạnh. Điển hình vào năm 1916, trong phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh đã chủ trương kết hợp giáo dục với kinh tế, việc lập thương hội, các hội buôn và các cơ sở sản xuất theo khẩu hiệu: “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Bên cạnh đó, các nhà canh tân

²¹ đưa ra nhiều quan điểm mới về³⁷ trò của dân, quyền lợi và nghĩa vụ của dân, về trách nhiệm của nhà nước.

Hai là, tư tưởng canh t⁴³ về giáo dục, văn hóa: Các nhà canh tân cho rằng nội dung giáo dục phải bám sát thực tiễn để⁷⁴ quyết những đòi hỏi của đất nước trong việc đánh đ⁵⁰ thực dân Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc và phát triển kinh tế quốc⁷⁷. Đó là lối học thực dụng, thực nghiệm, học nghề, học đi đôi với hành. Để làm được đi⁷⁹ ố, các nhà canh tân chủ trương đưa các bộ môn khoa học tự nhiên, khoa học² y thuật, công nghệ... vào chương trình giáo dục. Bên cạnh đó, các nhà canh tân còn đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao trình độ văn hóa của người dân như bài bác hủ nho, sửa đổi phong tục tập quán.

Ba là, tư tưởng canh tân về quân sự, ngoại giao². Các nhà canh tân đã đề xuất nhiều biện pháp nhằm củng cố và tăng cường sức mạnh quân sự như chú trọng đào tạo c¹¹⁰, đội ngũ sĩ quan, mua sắm và chế tạo vũ khí... Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu khi đưa học sinh sang Nhật Bản học tập ngoài việc đào tạo đội ngũ có học th²⁵ hi mục đích của phong trào cũng nhằm đào tạo lực lượng quân sự, chiến đấu. Đồng thời, t³² mở rộng ngoại giao²⁵ nhằm chế sức mạnh của thực dân Pháp và t¹² u gọi sự giúp đỡ của các nước trong công cuộc¹¹ nh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập dân tộc. Có thể nói rằng, từ cuối⁷¹ kỷ XIX – đầu thế kỷ XX là một cuộc canh tân toàn diện, trên tất c¹¹⁴ lĩnh vực để đáp ứng các yêu cầu lịch sử đặt ra, đáp ứng nhu cầu phát triển và nhu cầu độc lập dân tộc.

Thứ tám, công⁶⁶ canh tân với mục đích để đổi mới, phát triển đất nước chống lại kẻ thù xâm lược. Khi hai nền văn minh nông nghiệp - công nghiệp diễn ra ngày càng gay gắt, nền kinh tế đất nước ngày càng lộ rõ sự yếu kém, bất cập, trên nhiều phương diện thì dòng canh tân¹²⁹ nước xuất hiện như một hiện tượng tất yếu với ch⁴⁰ trong cải cách đất nước trên nhiều phương⁹ ện. Có thể nhận thấy, chuyển biến trong tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam đã hình thành từ đầu thế kỷ XIX với những đề nghị chấn hưng đất nước qua việc Nguyễn Công Trứ mộ dân, tiến hành khai hoang hai huyện Kim S⁹ (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình). Tuy nhiên, phải đến nửa sau thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, nguy cơ mất nước hiện hữu; đất nước lâm vào khủng hoảng toàn diện... những đề xuất canh tân của các nhà cải cách mới đồng loạt xuất hiện.

Những điều trần, kiến nghị đổi mới đất n⁸⁸ nhằm tự cường dân tộc của Nguyễn Tư Giản, Bùi Viện, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ... “đã nói lên tâm huyết của các quan viên trong triều và ngoài nội, hợp thành dòng yêu nước theo xu hướng canh tân ở nước ta từ nửa

sau thế kỷ XIX.”¹¹ Không kể đến việc khai hoang, lấn biển, thành lập hai huyện Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình) của Thị trấn Bộ binh (thời Thiệu Trị) Nguyễn Công Trứ, từ khi Phạm Phú Thứ dâng sớ phê phán Tự Đức lơ lửng việc triều chính (năm 1850) đến thời điểm Nguyễn Lộ Trạch dâng bài Thiên hạ đại thế luận (năm 1892, thời vua Thành Thái), các nhà canh tân đã dâng lên triều đình hàng trăm đề xuất, kiến nghị với mục đích phát triển đất nước chống lại kẻ thù xâm lược. Những đề nghị đòi mới đất nước cuối thế kỷ XIX đã có tác động nhất định vào tư tưởng bảo thủ của nhà Ng. Qua các điều trần, kiến nghị, có thể nhận thấy, dòng canh tân đất nước cuối thế kỷ XIX hướng tới mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa, đó là kết hợp năng lực nội địa với thị trường nước ngoài song song với hệ thống chính trị vừa đáp ứng được nhu cầu định hướng và tạo điều kiện phát triển sức sản xuất của đất nước từ đó để bảo vệ quyền lợi và địa vị quốc gia.

4. KẾT LUẬN

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hoàn cảnh lịch sử thế giới có rất nhiều yếu tố tác động mạnh mẽ đến quá trình chuyển biến tư tưởng canh tân ở Việt Nam. Sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản phương Tây dẫn đến sự xuất hiện chủ nghĩa thực dân đang thực hiện các cuộc xâm lược sang các dân tộc phương Đông, trong đó có Việt Nam. Các cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản, Trung Quốc tạo ra sự phát triển kinh tế xã hội, làm biến đổi bộ mặt đất nước. Thực tiễn này đã đặt câu hỏi cho dân tộc Việt Nam nói chung và các nhà canh tân nói riêng là phải bằng con đường cách mạng nào để bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển đất nước theo kịp các nước trong khu vực.

Về tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tác giả đi qua một vài đặc điểm chủ yếu sau: Thứ nhất, tư tưởng canh tân được ra đời dựa trên truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, là tình thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam trước sự xâm lấn của thực dân Pháp và năng lực tự duy cá nhân của các nhà tư tưởng. Thứ hai, tư tưởng canh tân là sự chuyển biến ý thức hệ từ phong kiến sang dân chủ tư sản. Thứ ba, tư tưởng canh tân có sự kết hợp giữa yếu tố trong nước và yếu tố ngoài nước. Thứ tư, tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX mang tính khu vực vùng miền. Thứ năm, lực lượng đề xuất canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX đa số do thành phần văn thân, sĩ phu Nho học, trí thức khởi xướng. Trong khi đó, người có thể thực thi các đề nghị canh tân là người đứng đầu nhà nước quân chủ. Thứ sáu, phong trào canh tân cuối thế kỷ XIX không phải là sự kết thúc để cho phong trào canh tân đầu thế kỷ XX bắt đầu lại mà ở đó là sự chuyển biến liên tục, kế thừa. Thứ bảy, tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX là

một cuộc canh tân toàn diện đề cập đến nhiều phương diện. Thứ tám, công cuộc canh tân với mục đích đề đổi mới, phát triển đất nước chống lại kẻ thù xâm lược. Bên cạnh đó, tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng bộc lộ những hạn chế như trong tư tưởng của các nhà canh tân còn chứa đựng nhiều mâu thuẫn, mang nặng tính chủ quan, một số pháp còn xa rời thực tế, không đủ tính khả thi; tư tưởng canh tân Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mang tính chất cải lương, thiếu triệt để. Có thể nói, sự xuất hiện tư tưởng canh tân như là sự báo hiệu, sự chuẩn bị cho một bước chuyển mới về tư tưởng trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ.

Đặc điểm của tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (2) - PLAGCHECKED.docx

ORIGINALITY REPORT

64%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	text.123docz.net Internet	1172 words — 10%
2	vjol.info.vn Internet	1026 words — 9%
3	tailieu.vn Internet	285 words — 3%
4	text.xemtailieu.net Internet	223 words — 2%
5	vi.wikipedia.org Internet	204 words — 2%
6	hocban.net Internet	189 words — 2%
7	www.timtailieu.vn Internet	172 words — 2%
8	khhx.dthu.edu.vn Internet	160 words — 1%
9	ussh.vnu.edu.vn Internet	156 words — 1%
10	www.chungta.com Internet	140 words — 1%

11	www.utb.edu.vn Internet	128 words — 1%
12	tutuongcanhtan.blogspot.com Internet	123 words — 1%
13	timtailieu.vn Internet	112 words — 1%
14	www.elib.vn Internet	105 words — 1%
15	www.nxbctqg.org.vn Internet	101 words — 1%
16	kienthuca-z.blogspot.com Internet	100 words — 1%
17	123docz.net Internet	99 words — 1%
18	www.dinhnghia.com.vn Internet	96 words — 1%
19	123doc.org Internet	91 words — 1%
20	www.blaisepascaldanang.fr Internet	91 words — 1%
21	archive.org Internet	82 words — 1%
22	vnuhcm.edu.vn Internet	79 words — 1%
23	www.hvu.edu.vn Internet	72 words — 1%

24	Internet	63 words — 1%
25	sites.google.com Internet	62 words — 1%
26	thuvienhoasen.org Internet	62 words — 1%
27	viensuhoc.vass.gov.vn Internet	60 words — 1%
28	dntm.vn Internet	57 words — 1%
29	nslide.com Internet	57 words — 1%
30	doc.edu.vn Internet	49 words — < 1%
31	luanvan.org Internet	47 words — < 1%
32	Ton Duc Thang University Publications	44 words — < 1%
33	nghienquulichsu.com Internet	44 words — < 1%
34	Hanoi National University of Education Publications	41 words — < 1%
35	lichsvietnam1858-1945.blogspot.com Internet	39 words — < 1%
36	movsa.org Internet	38 words — < 1%
37	Ho Chi Minh National Academy of Politics	

34 words — < 1%

38 photayninh.com
Internet

34 words — < 1%

39 saomaidata.org
Internet

34 words — < 1%

40 qlldiem.ctu.edu.vn
Internet

33 words — < 1%

41 www.slideshare.net
Internet

33 words — < 1%

42 vietbooks.info
Internet

32 words — < 1%

43 thpt-nguyenkhuyen.edu.vn
Internet

29 words — < 1%

44 thuvien.tcdktcnsi.edu.vn
Internet

28 words — < 1%

45 buithanhquangblog.wordpress.com
Internet

26 words — < 1%

46 lytuong.net
Internet

24 words — < 1%

47 www.tailieudaihoc.com
Internet

22 words — < 1%

48 hoc24.vn
Internet

21 words — < 1%

49 khoa.hoc.vietjack.com
Internet

20 words — < 1%

50 lvmt288.wordpress.com

20 words — < 1%

51 vanhoanghean.vn
Internet

20 words — < 1%

52 kenhphatgiao.vn
Internet

19 words — < 1%

53 phanbienbinhluan.wordpress.com
Internet

19 words — < 1%

54 ngonhathuy.blogspot.com
Internet

18 words — < 1%

55 nguyenhadao.wordpress.com
Internet

18 words — < 1%

56 tailieuxanh.com
Internet

18 words — < 1%

57 vnthihuu.net
Internet

18 words — < 1%

58 daibansamac.blogspot.com
Internet

17 words — < 1%

59 dlu.edu.vn
Internet

17 words — < 1%

60 donghuongtienphuoc.com
Internet

17 words — < 1%

61 lvivgallery.org.ua
Internet

17 words — < 1%

62 tailieu.tv
Internet

17 words — < 1%

63 Hanoi Pedagogical University 2

16 words — < 1%

64 huynhdehiepthonchiase2011.wordpress.com
Internet

16 words — < 1%

65 lytuonglam.com
Internet

16 words — < 1%

66 www.kenhvn.org
Internet

16 words — < 1%

67 images.vietnamnet.vn
Internet

15 words — < 1%

68 tailieutuoi.com
Internet

15 words — < 1%

69 cuuduongthancong.com
Internet

14 words — < 1%

70 www.baohatinh.vn
Internet

14 words — < 1%

71 bacninh.gov.vn
Internet

13 words — < 1%

72 dulieu.tailieuhocTap.vn
Internet

13 words — < 1%

73 tinhtnguyenhaidang.vicongdong.vn
Internet

13 words — < 1%

74 vatgia.com
Internet

13 words — < 1%

75 www.thoi-nay.com
Internet

13 words — < 1%

76 Hanoi Pedagogical University 2

12 words — < 1%

77 hrc-ftu.org
Internet

12 words — < 1%

78
huynhthuckhangluongvancan.files.wordpress.com
Internet

12 words — < 1%

79 nec.edu.vn
Internet

12 words — < 1%

80 vnoug.org
Internet

12 words — < 1%

81 www.mtgthuduc.net
Internet

12 words — < 1%

82 www.suyngam.com.vn
Internet

12 words — < 1%

83 www.tuoitrethuynguyen.com
Internet

12 words — < 1%

84 www.vjol.info.vn
Internet

12 words — < 1%

85 www.vnq.edu.vn
Internet

12 words — < 1%

86 youthneu.edu.vn
Internet

12 words — < 1%

87 cfi.edu.vn
Internet

11 words — < 1%

88 chinhnghia.com
Internet

11 words — < 1%

89	dieukhacda.org Internet	11 words — < 1%
90	issuu.com Internet	11 words — < 1%
91	vannghequandoi.com.vn Internet	11 words — < 1%
92	vuhuu.edu.vn Internet	11 words — < 1%
93	www.giasuabc.com.vn Internet	11 words — < 1%
94	www.tapchiconsan.org.vn Internet	11 words — < 1%
95	binhsa.thangbinh.quangnam.gov.vn Internet	10 words — < 1%
96	butsen.net Internet	10 words — < 1%
97	giaoan.co Internet	10 words — < 1%
98	hongquan20989.blogspot.com Internet	10 words — < 1%
99	ia802507.us.archive.org Internet	10 words — < 1%
100	megapon.vn Internet	10 words — < 1%
101	numerique.mollat.com Internet	10 words — < 1%

102	Internet	10 words — < 1%
103	sachhiem.net Internet	10 words — < 1%
104	soha.vn Internet	10 words — < 1%
105	thuvien.due.udn.vn:8080 Internet	10 words — < 1%
106	toc.123docz.net Internet	10 words — < 1%
107	www.baodongnai.com.vn Internet	10 words — < 1%
108	www.longan.gov.vn Internet	10 words — < 1%
109	www.vnmilitaryhistory.net Internet	10 words — < 1%
110	www.yumpu.com Internet	10 words — < 1%
111	www.zbook.vn Internet	10 words — < 1%
112	zung.zetamu.net Internet	10 words — < 1%
113	congnghe24h.vn Internet	9 words — < 1%
114	dongnai.vncgarden.com Internet	9 words — < 1%
115	dongten.net	

9 words — < 1%

116 itc.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

117 tailieuhoclap.vn
Internet

9 words — < 1%

118 text.123doc.org
Internet

9 words — < 1%

119 tinparis.net
Internet

9 words — < 1%

120 tranxuanan-nvtntnngia.blogspot.com
Internet

9 words — < 1%

121 vhttdlqnam.gov.vn
Internet

9 words — < 1%

122 www.ctld.gov.vn
Internet

9 words — < 1%

123 www.danggiathemy.com
Internet

9 words — < 1%

124 www.datviet2.com
Internet

9 words — < 1%

125 www.noitrutq.edu.vn
Internet

9 words — < 1%

126 "The ABC of land use - Key terms and their meaning/DANH MỤC CÁC THUẬT NGỮ VỀ QUYỀN - SỬ DỤNG ĐẤT", Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO), 2020
Crossref

8 words — < 1%

127 4journalists.blogspot.com
Internet

8 words — < 1%

128 acervodigital.ufpr.br
Internet

8 words — < 1%

129 chungta.com.vn
Internet

8 words — < 1%

130 cnm365.wordpress.com
Internet

8 words — < 1%

131 documents.mx
Internet

8 words — < 1%

132 dokumen.tips
Internet

8 words — < 1%

133 download.vn
Internet

8 words — < 1%

134 giaoviennuocngoai.com
Internet

8 words — < 1%

135 haylamdo.com
Internet

8 words — < 1%

136 hoccham.com
Internet

8 words — < 1%

137 hul.edu.vn
Internet

8 words — < 1%

138 luanvan.net.vn
Internet

8 words — < 1%

139 olm.vn
Internet

8 words — < 1%

140 ongbien.vn

8 words — < 1%

141 pup.edu.vn
Internet

8 words — < 1%

142 quankhoasu.blogspot.com
Internet

8 words — < 1%

143 thuviengiaoan.com
Internet

8 words — < 1%

144 truyenvn.tumblr.com
Internet

8 words — < 1%

145 tutuonghochiminhve.blogspot.com
Internet

8 words — < 1%

146 tuyengiaobinhphuoc.org.vn
Internet

8 words — < 1%

147 vantuyen.net
Internet

8 words — < 1%

148 vass.gov.vn
Internet

8 words — < 1%

149 www.ngoisaoso.vn
Internet

8 words — < 1%

150 www.thuvientailieu.vn
Internet

8 words — < 1%

151 www.tiin.com.vn
Internet

8 words — < 1%

152 www.tuechung.net
Internet

8 words — < 1%

153 www.vanhoanghean.com.vn

8 words — < 1%

154 www.viffas.org.vn
Internet

8 words — < 1%

155 www.zun.vn
Internet

8 words — < 1%

156 lyluanchinhtri.vn
Internet

7 words — < 1%

157 Nguyễn Hồng Sơn, SDAG Lab. "Chức năng quản lý kinh tế của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam", Thesis Commons, 2020
Publications

6 words — < 1%

158 hoc247.net
Internet

6 words — < 1%

159 namvietnetwork.wordpress.com
Internet

6 words — < 1%

EXCLUDE QUOTES OFF
EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF
EXCLUDE MATCHES OFF